

Số: **24** /2019/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày **16** tháng **9** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

SỞ TƯ PHÁP TỈNH LAI CHÂU	
CÔNG	Số: 701
VĂN	Ngày: 20/9/19
ĐẾN	Chuyển:

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, bản,
tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2019, thay thế Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 28/8/2013 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 28/8/2013 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Lai Châu;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **24** /2019/QĐ-UBND ngày **16** / **9** /2019
của UBND tỉnh Lai Châu)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Bản, tổ dân phố

1. Thôn, đội; bản,... được gọi chung là bản; bản được tổ chức ở xã, dưới xã là bản.

2. Tổ dân phố, khu phố,... được gọi chung là tổ dân phố; tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.

3. Bản, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bản, tổ dân phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng.

2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Không chia tách các bản, tổ dân phố đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các bản, tổ dân phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.

4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, do di dân hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập bản, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập bản mới, tổ dân phố mới thì ghép vào bản, tổ dân phố liền kề.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của bản, tổ dân phố

1. Mỗi bản có Trưởng bản và 01 Phó Trưởng bản, mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố và 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố.
2. Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác Mặt trận bản, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động của bản, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư ở bản, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, bản, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Cộng đồng dân cư ở bản, tổ dân phố tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của bản, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.
3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của bản, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.
4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị của bản, tổ dân phố

1. Hội nghị bản, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 2 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong bản, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong bản, tổ dân phố tham dự.
2. Việc tổ chức đề Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết Liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập bản mới, tổ dân phố mới

1. Trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, tổ chức hoạt động của bản, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập bản mới, tổ dân phố mới thì việc thành lập bản mới, tổ dân phố mới phải đạt các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình:

- Đối với bản: có từ 150 hộ gia đình trở lên; bản thuộc các xã biên giới có từ 100 hộ gia đình trở lên.

- Đối với Tổ dân phố: có từ 200 hộ gia đình trở lên.

b) Các điều kiện khác:

Bản và tổ dân phố cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2. Đối với trường hợp đặc thù

a) Bản, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, bản hình thành do di dân, bản nằm ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp; bản có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì quy mô bản có từ 50 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Trường hợp ở khu vực biên giới, do việc di dân hoặc để bảo vệ đường biên giới, thì việc thành lập bản, tổ dân phố không áp dụng quy định về quy mô số hộ gia đình nêu tại khoản 1 Điều này.

c) Bản, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã thì thực hiện giải thể và thành lập mới bản, tổ dân phố theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì thực hiện ghép cụm dân cư theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 8. Điều kiện sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên bản, tổ dân phố

1. Trường hợp sáp nhập bản, tổ dân phố

a) Đối với các bản, tổ dân phố có quy mô số hộ gia đình dưới 50% quy mô số hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này thì phải sáp nhập với bản, tổ dân phố liền kề.

b) Đối với các bản, tổ dân phố đạt từ 50% quy mô số hộ gia đình trở lên theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này ở những nơi có đủ điều kiện thì thực hiện sáp nhập.

c) Trong quá trình thực hiện sáp nhập bản, tổ dân phố cần xem xét đến các yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình và phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư tại địa phương.

d) Đề án sáp nhập bản, tổ dân phố phải được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của từng bản, tổ dân phố sáp nhập tán thành.

2. Trường hợp giải thể bản, tổ dân phố do Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng hoặc do sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định thì việc di dân, bố trí dân cư và giải quyết các vấn đề liên quan khác được thực hiện theo Phương án bồi thường, tái định cư của Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tên của bản, tổ dân phố do thành lập mới hoặc sáp nhập không được trùng với tên của bản, tổ dân phố hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã.

4. Việc đổi tên bản, tổ dân phố được thực hiện theo nguyện vọng của nhân dân sinh sống tại bản, tổ dân phố.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ thành lập bản mới, tổ dân phố mới (bao gồm chia tách và sáp nhập bản, tổ dân phố hiện có để thành lập bản mới, tổ dân phố mới)

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 3 và điều kiện thành lập bản mới, tổ dân phố mới tại Điều 7 Quy chế này, UBND tỉnh quyết định chủ trương thành lập bản mới, tổ dân phố mới; chỉ đạo UBND cấp huyện giao UBND cấp xã xây dựng Đề án thành lập bản mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết thành lập bản mới, tổ dân phố mới.

b) Tên gọi của bản mới, tổ dân phố mới.

c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của bản mới, tổ dân phố mới.

d) Các điều kiện khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập bản mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập bản mới, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập bản mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập bản mới, tổ dân phố mới tán thành thì UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập bản mới, tổ dân phố mới của UBND cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình UBND tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của UBND cấp huyện.

5. Hồ sơ trình UBND tỉnh gồm:

a) Tờ trình của UBND cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập bản mới, tổ dân phố mới của UBND cấp xã trình UBND cấp huyện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này).

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ vào hồ sơ trình của UBND cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập bản mới, tổ dân phố mới.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ chuyển bản thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã; giải thể, đặt tên, đổi tên bản, tổ dân phố

1. Chuyển bản thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã.

Căn cứ vào Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Sở Nội vụ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chuyển bản thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

2. Giải thể bản, tổ dân phố

Sau khi thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND các huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) danh sách các bản, tổ dân phố liên quan để trình HĐND tỉnh quyết định giải thể bản, tổ dân phố.

3. Đặt tên bản, tổ dân phố

Việc đặt tên bản, tổ dân phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập bản mới, tổ dân phố mới.

4. Đổi tên bản, tổ dân phố

a) UBND cấp xã xây dựng Phương án xin đổi tên bản, tổ dân phố gồm:

- Sự cần thiết đổi tên bản, tổ dân phố.
- Tên gọi mới của bản, tổ dân phố;
- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của bản, tổ dân phố;
- Đề xuất, kiến nghị.

b) UBND cấp xã tiến hành lấy ý kiến của toàn bộ cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực về việc đổi tên bản, tổ dân phố; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến.

Phương án đổi tên bản, tổ dân phố nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành, UBND cấp xã hoàn thiện Phương án cùng biên bản lấy ý kiến hợp dân trình HĐND cùng cấp thông qua.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cùng cấp, UBND cấp xã hoàn thiện Hồ sơ và lập Tờ trình trình UBND cấp huyện.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện làm Tờ trình kèm theo Hồ sơ của UBND cấp xã xin đổi tên bản, tổ dân phố trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của UBND cấp huyện, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo UBND tỉnh xem xét đề trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc đổi tên bản, tổ dân phố.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có

1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có theo quy định tại khoản 4 Điều 3 và điểm c khoản 2 Điều 7 Quy chế này thì sau khi có quyết định về chủ trương của UBND cấp huyện, UBND cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có.
- b) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của bản, tổ dân phố sau khi ghép.
- c) Đề xuất, kiến nghị.

2. UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và bản, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình HĐND cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của HĐND cấp xã, UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình UBND cấp huyện gồm:

- a) Tờ trình của UBND cấp xã.
- b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có của UBND cấp xã theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến, UBND cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định việc ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có.

Chương III

QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ, TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG BẢN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng bản và Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm vụ:

a) Triệu tập và chủ trì hội nghị bản, tổ dân phố; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi bản, tổ dân phố đã được Nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của bản, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

b) Vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của bản, tổ dân phố đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân trong bản, tổ dân phố. Báo cáo kịp thời với UBND cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong bản, tổ dân phố.

d) Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được Nhân dân bản, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của bản, tổ dân phố; lập biên bản về kết quả đã được Nhân dân bản, tổ dân phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch UBND cấp xã.

đ) Phối hợp với Trưởng Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở bản, tổ dân phố để vận động Nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động.

e) Sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo kết quả công tác trước Hội nghị bản, tổ dân phố.

2. Quyền hạn:

a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do Nhân dân trong bản, tổ dân phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được Hội nghị bản, tổ dân phố thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp.

b) Được phân công nhiệm vụ và quyền hạn giải quyết công việc của Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; được chính quyền cấp xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của bản, tổ dân phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của bản, tổ dân phố”.

Điều 13. Tiêu chuẩn Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở bản, tổ dân phố; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được Nhân dân

tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

Điều 14. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và công nhận Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố.

a) Trên cơ sở thống nhất với Chi ủy chi bộ, Ban công tác Mặt trận bản, tổ dân phố đề cử danh sách đề Hội nghị của bản, tổ dân phố bầu Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố; tại Hội nghị này, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử. Căn cứ kết quả bầu cử, UBND cấp xã quyết định công nhận Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố. Thời điểm tổ chức bầu cử được thực hiện khi kết thúc nhiệm kỳ của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố.

b) Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Chương 2 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

2. Công nhận Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Căn cứ tiêu chuẩn của Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố quy định tại Điều 13 Quy chế này, Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố dự kiến nhân sự, thống nhất với Trưởng Ban công tác Mặt trận bản, tổ dân phố để lựa chọn Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố gửi danh sách đề xuất lựa chọn Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố kèm theo biên bản thống nhất với Trưởng Ban công tác Mặt trận để UBND cấp xã xem xét, quyết định công nhận Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Nhiệm kỳ của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố:

a) Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi. Trường hợp do thành lập bản mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của bản, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng bản mới, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

b) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 15. Chế độ, chính sách đối với Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở bản, tổ dân phố; được hưởng phụ cấp hàng tháng, mức phụ cấp do HĐND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được Nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Trách nhiệm các sở, ban, ngành

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Thẩm định, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định về việc chia tách, thành lập, sáp nhập, giải thể, đổi tên bản, tổ dân phố.

b) Phối hợp Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp hàng tháng cũng như các chế độ, chính sách khác đối với người hoạt động không chuyên trách ở cộng đồng dân cư bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, định kỳ tổng hợp các kiến nghị, đề xuất của UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo UBND tỉnh xem xét, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

Phối hợp với Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh đảm bảo nguồn kinh phí hoạt động, mức phụ cấp hàng tháng và các chế độ, chính sách khác đối với người hoạt động không chuyên trách bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh. Đồng thời thực hiện việc kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí cho hoạt động của thôn, bản, tổ dân phố.

Điều 17. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND các huyện, thành phố

1. Lập hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) đối với việc chia tách, thành lập, sáp nhập, giải thể, đổi tên bản, tổ dân phố.

2. Quyết định việc ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có sau khi đã được UBND cấp huyện thông qua.

3. Rà soát trên địa bàn các bản, tổ dân phố có khả năng sáp nhập để thành lập bản mới, tổ dân phố mới nhằm tinh gọn bộ máy, thuận lợi trong quản lý của chính quyền cơ sở; tổ chức việc tuyên truyền, vận động Nhân dân thấy được lợi ích của việc sáp nhập bản, tổ dân phố.

4. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. Định kỳ sáu tháng, cuối năm báo cáo UBND tỉnh về số lượng người hoạt động không chuyên trách, danh sách bản, tổ dân phố trên địa bàn.

Điều 18. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn

1. Quyết định cử Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Quy chế này.

2. Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng bản, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn đảm bảo theo quy định.

3. Rà soát trên địa bàn các bản, tổ dân phố có khả năng sáp nhập để thành lập bản mới, tổ dân phố mới nhằm tinh gọn bộ máy, thuận lợi trong quản lý điều hành của chính quyền cơ sở.

4. Xây dựng Đề án, lập hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) đối với việc chia tách, thành lập, sáp nhập, giải thể, đổi tên bản, tổ dân phố, ghép cụm dân cư vào bản, tổ dân phố hiện có trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

5. Định kỳ sáu tháng, cuối năm, báo cáo số lượng bản, tổ dân phố; số người hoạt động không chuyên trách theo quy định.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những bản, tổ dân phố đã bố trí Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 28/8/2013 và Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của UBND tỉnh thì tiếp tục thực hiện đến hết nhiệm kỳ của Phó Trưởng bản, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, sau đó thực hiện bố trí theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải